

Triệu Thị Trinh

Tiểu sử **BÀ TRIỆU** Lãng Nhân - Hương sắc quê mình Sau thời Trưng Vương (năm 44) nhà Hán bị chia làm ba: Ngụy, Thục, Ngô. Nước ta gồm các quận Giao chỉ, Cửu chân, Nhật Nam (tức là miền Bắc và nửa trên miền Trung nước ta bây giờ) nhà Ngô đặt tên là Giao châu và năm 248 cử Lục Dận sang làm thứ sử. Theo dấu thực dân cũ, Lục tiếp tục chính sách bóc lột và đàn áp khiến nhân dân phần uất trong đói khổ nhục nhã. Lòng phần uất nung nấu chí quật cường: quận Cửu Chân bùng lên khởi nghĩa, do cô Triệu Thị Trinh cầm đầu. Cô là một thiếu nữ mới ngoài hai mươi, quê ở huyện Nông cống, tỉnh Thanh hóa, mồ côi cha mẹ từ hồi ấu thơ, sống với người anh là Triệu Quốc Đạt, một thủ lĩnh ở huyện Quân an và Triệu sơn, vùng núi Nưa tỉnh Thanh. Cô không những sức khỏe khác thường, còn giàu nghị lực và mưu lược, chí khí lại hiên ngang. Có người dạm hỏi, cô trả lời: - Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đuổi quân Ngô ra khỏi cõi, cởi ách nô lệ cho đất nước, chứ đâu thèm bắt chước ai cúi đầu khom lưng làm thân tì thiếp hèn mọn... Cô thường ngày vào rừng núi, tụ tập đình tráng thao luyện binh mã để chuẩn bị cuộc nổi dậy. Triệu Quốc Đạt lúc đầu còn e dè khuyên can; vợ Đạt lo ngại, ngầm đi tố cáo chí hướng của cô với bọn quan Tàu. Cô bèn giết người chị dâu ấy. Bây giờ Quốc Đạt mới một lòng cùng em đứng ra phát cờ dấy tiến. Cô mặc giáp vàng, cưỡi voi dữ, xông ra trước đám quân Ngô như vào chỗ không người, nhân dân cảm phục tặng cô cái danh hiệu đẹp đẽ oai hùng "Nhụy kiều tướng quân". Ngay cả quân Ngô cũng khiếp đảm, tôn cô là "Lệ hải bà vương". Chúng tôi gọi tiếng "cô" vì nàng là thiếu nữ chưa thành gia thất. Nhưng quân Tàu đã tôn là Bà, chúng tôi cũng theo mà kính là Bà Triệu. Và lại, ít lâu sau khi khởi nghĩa Triệu Quốc Đạt bị quân gian đầu độc bỏ mình, Bà Triệu một mình đương đầu với giặc, đại công trong cuộc nổi dậy hoàn toàn trong tay Bà Vương. Sáu tháng dòng dã, thắng nhiều trận lẫy lừng, nhân dân phần khởi đến nỗi sứ nhà Ngô sang thăm Lục Dận phải thú nhận: "toàn cõi Giao Châu rung động vì nghĩa binh". Sau Lục Dận phải dùng mưu "chia rẽ" đem tiền bạc mua chuộc thủ lĩnh địa phương, làm cho lòng quân ly tán, sức đối kháng yếu dần. Số quân ngày càng giảm sút, Bà vương cầm cự được sáu tháng nữa phải rút lui. Rút đến xã Phú điền, huyện Mỹ hóa tỉnh Thanh, Bà quay gươm lại đâm cổ tự tử. Về sau, vua Lý Nam đế cho lập miếu thờ tại xã Phú điền, huyện Hậu Lộc Thanh Hóa, tới nay miếu vẫn còn. Dân gian có câu: "Ai về Hậu Lộc Phú Điền, Nhớ đây Bà Triệu trận tiền giao phong" và nêu hình bóng bà trong ca dao: Con ơi, con ngủ cho lành Để mẹ gánh nước rửa bành con voi Mai con lên núi mà coi Coi Bà tướng Triệu cưỡi voi diệt thù. x x x Đời sau có thơ ca ngợi: Tướng lạ, tài cao, gái khác thường Sau Hai Bà, lại có Bà Vương Cửu chân trăm trận gan hơn sắt Lục Dận mười phen mắt đỏ vàng Toan lấy yếm khăn trùm vũ trụ Quán gì son phấn nhuộm tang thương Những trang nhi nữ anh hùng ấy Miếu vũ ngàn thu ngát khói hương. (ST)

Phỏng vấn, các bài viết về nhân vật **TRIỆU THỊ TRINH, NGƯỜI NỮ ANH HÙNG KHỞI NGHĨA** 1 Trần Xuân An Bối cảnh lịch sử và hành trạng anh hùng Trong lịch sử nước ta, có một người nữ anh hùng, chính Tự Đức lúc châu phê vào Cương mục (1), đã từng so sánh với Trưng Trắc - Trưng Nhị: "Con gái nước ta, nhiều người hùng dũng khác thường. Bà Triệu Ấu cũng là người sánh vai được với Hai Bà Trưng" (2). Cuộc khởi nghĩa, kháng chiến, giành lại độc lập, tự do cho Đất nước, nhân dân do Hai Bà Trưng tổ chức, lãnh đạo, thành lập vương triều nổi lại quốc thống nước Văn Lang của vua Hùng, tiếc thay, chỉ ngắn ngủi trong 3 năm. Sau đó, suốt cả trăm năm, đế chế nhà Đông Hán (Hậu Hán, 25 - 219) ngày càng siết chặt gông xiềng nô lệ trên toàn cõi Giao Chỉ bộ (từ năm 203, Hán - Hiến để đổi lại địa danh là Giao Châu). Bây giờ, vua quan triều đại Đông Hán khá vững mạnh trong sự chuyên chế ở Trung Hoa, do đó, chúng có đủ điều kiện để củng cố ách đô hộ của chúng ở nước ta. Sử sách không ghi nhận thêm một cuộc khởi nghĩa nào trên toàn cõi Giao Chỉ bộ. Điều đó, khiến chúng ta thấy rõ sự kìm kẹp, khống chế bằng các đội quân binh viễn chinh và bằng cách đưa bọn lưu dân các loại từ Trung Hoa sang là hết sức thâm độc. Nhân dân ta không khởi nghĩa nổi trong sự kìm kẹp, khống chế xảo quyệt đó, chứ không phải chỉ biết cúi đầu trong tủi nhục. Mãi cho đến năm Đinh sửu [137] (Hán, năm Vĩnh Hoà thứ 2), ở huyện Tượng Lâm xa xôi thuộc quận Nhật Nam (Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình), mới bùng lên được cuộc khởi nghĩa do Khu Liên (người Chăm) lãnh đạo. Một đất nước Lâm Ấp (về sau tự đặt quốc